

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2026 (THỜI ĐIỂM CUỐI HK1)

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Số 1/555, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0363858687-02743678800

Địa chỉ thư điện tử: th_thcs_thptductri.binhduong@hcm.edu.vn

Website: ductrischool.edu.vn – www.facebook.com/ductrischool

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Trường Tiểu học, THCS và THPT Đức Trí là cơ sở giáo dục phổ thông thuộc loại hình tư thực, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định pháp luật;

Trường tổ chức hoạt động theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/06/2020; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường thực hiện theo quy định tại thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo, giám sát kiểm tra của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương;

Văn bản chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư theo Công văn số: 869/UBND-VX ngày 3/4/2009 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chủ trương thành lập Trường Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Khuyến – huyện Thuận An (loại hình tư thực).

Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số: 46121000044 ngày 10 tháng 6 năm 2009.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

❖ NIỀM TIN & TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

Tại Trường Đức Trí, chúng tôi khởi đầu mọi hành trình giáo dục bằng một niềm tin sâu sắc và nhân bản:

Mỗi học sinh là một vũ trụ riêng biệt – sống động, đầy tiềm năng và xứng đáng được thấu hiểu, nâng đỡ và dẫn dắt để phát triển toàn diện về trí tuệ, nhân cách và tâm hồn.

Chúng tôi không xem trường học là nơi đúc khuôn nên những con người lý tưởng theo chuẩn mực xã hội, mà là mảnh đất nuôi dưỡng tự do nội tâm, nơi học sinh học cách nghĩ độc lập, sống có lý tưởng, biết yêu thương và dần thân có trách nhiệm giữa một thế giới đa dạng và đầy chuyển động.

Triết lý giáo dục của chúng tôi được vun đắp từ nhiều nền tảng sâu sắc:

a. Giáo dục nhân văn (Humanistic Education)

Chúng tôi kế thừa tinh thần của Maslow và Carl Rogers – những người đã nhắc chúng ta rằng:

Học sinh trước hết là một con người, một nhân vị với phẩm giá và nhu cầu được yêu, được hiểu, được là chính mình.

Chúng tôi tạo ra không gian nơi học sinh cảm thấy an toàn về mặt tâm lý, được tôn trọng về bản sắc, và được khơi dậy khát vọng sống sâu sắc từ bên trong.

a. Khoa học não bộ và học tập nhận thức – xã hội

Chúng tôi thiết kế việc học dựa trên hiểu biết cập nhật từ khoa học thần kinh, tâm lý học nhận thức và cảm xúc.

Học tập không chỉ là quá trình tiếp nhận thông tin, mà là một trải nghiệm gắn liền với sự chú ý, trí nhớ, cảm xúc, ra quyết định và lòng tự trọng.

Vì thế, mỗi giờ học đều được thiết kế như một dòng chảy liền mạch – kích thích não bộ, khơi dậy tư duy và đánh thức ý nghĩa.

a. Giáo dục vì sự phát triển bền vững và tư duy hệ thống (systems thinking)

Chúng tôi nuôi dưỡng nơi học sinh khả năng nhìn xa và nghĩ rộng – để hiểu rằng mọi hành động của mình đều tạo ra ảnh hưởng đến môi trường, cộng đồng và tương lai chung của nhân loại.

Các em được rèn luyện tư duy hệ thống (systems thinking) để thấy được mối liên kết giữa các hiện tượng, để hành động không chỉ vì hôm nay mà còn cho những ngày mai còn chưa tới.

d. Học tập thay đổi tư duy (Transformative Learning)

Chúng tôi không chỉ dạy điều đúng, mà giúp học sinh đặt lại những câu hỏi sâu sắc về chính mình và thế giới, để từ đó có thể thay đổi tư duy, thay đổi cách sống và biết hành động theo lẽ phải.

Giáo dục không chỉ là tích lũy kiến thức, mà là quá trình chuyển hóa sâu từ bên trong, nơi các em dám hoài nghi, dám khám phá, và dám trở thành chính mình – chân thực và mạnh mẽ.

e. Học tập trải nghiệm và dựa trên năng lực

Trẻ không đến trường để được “đổ đầy”, mà để được sống, được làm, được phép sai và được học.

Chúng tôi triển khai học tập trải nghiệm thông qua dự án, hoạt động thực tế, sáng tạo và tương tác xã hội – nơi các em phát triển các năng lực cốt lõi của thế kỷ 21: tư duy phản biện, hợp tác, sáng tạo, truyền thông, tự điều chỉnh và học suốt đời.

f. Cộng đồng học tập tích cực và nhân bản

Chúng tôi xây dựng một cộng đồng học tập gồm học sinh – giáo viên – phụ huynh – xã hội, cùng nhau sống trong một văn hóa yêu thương, công bằng và tôn trọng.

Giáo dục không phải là một hành trình đơn lẻ, mà là sự đan xen giữa các mối quan hệ – nơi tình yêu và kỷ luật cùng tồn tại, nơi mọi người cùng lớn lên bên nhau.

Chúng tôi tin rằng:

Giáo dục không phải là chuẩn hóa, mà là cá nhân hóa.

Không phải để các em trở thành ai khác, mà là trở thành chính mình – sâu sắc, nhân hậu và tự do.

Không chỉ để sống tốt trong thế giới hiện tại, mà còn biết kiến tạo một thế giới mới – công bằng hơn, bền vững hơn và đầy lòng trắc ẩn.

❖ TÂM NHÌN

Trường Đức Trí hướng đến trở thành một cộng đồng học tập nhân văn – sáng tạo – khai mở, nơi mọi thành viên cùng kiến tạo một nền giáo dục toàn diện, hiện đại và giàu tính nhân bản; nơi mỗi học sinh được phát triển như một cá nhân độc đáo, tự tin bước vào đời với trí tuệ, phẩm chất và khát vọng đóng góp cho thế giới.

Chúng tôi đặt mục tiêu xây dựng một môi trường giáo dục:

- Lấy học sinh làm trung tâm, chú trọng nuôi dưỡng trí tuệ, cảm xúc và nhân cách, đồng thời rèn luyện năng lực tư duy độc lập, khả năng hợp tác và ý thức công dân toàn cầu.
- Phát triển đội ngũ giáo viên đổi mới và truyền cảm hứng, có năng lực chuyên môn vững vàng, sẵn sàng học tập suốt đời và dẫn dắt học sinh bằng cả trí tuệ và trái tim.
- Thắt chặt sự gắn bó với phụ huynh, xem gia đình là những người đồng hành giáo dục quan trọng, cùng nhà trường đồng hành và kiến tạo một môi trường học tập an toàn, tử tế và giàu ý nghĩa.

Chúng tôi định hướng phát triển Trường Đức Trí thành một mái trường:

- Khai mở tiềm năng và nội lực nơi mỗi học sinh, để các em vững vàng trước thử thách, kiên định với lý tưởng và hành động có trách nhiệm;
- Lan tỏa ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng và xã hội, thông qua những giá trị sống nhân bản và hành động thiết thực;
- Góp phần đào luyện những công dân toàn cầu bản lĩnh và nhân ái, có khả năng học tập suốt đời, thích ứng với thay đổi và đóng góp tích cực cho thế giới đang không ngừng vận động.

Tầm nhìn này là kim chỉ nam cho mọi hoạt động giáo dục tại Trường Đức Trí, đồng thời là cam kết dài hạn của nhà trường với học sinh, phụ huynh, đội ngũ sư phạm và cộng đồng về một nền giáo dục khai phóng, chất lượng và đầy nhân văn.

TÂM NHÌN RÚT GỌN: Trường Đức Trí đồng hành và phát triển những con người bản lĩnh, nhân ái và khai mở để sống, học tập và đóng góp tích cực trong một thế giới đang đổi thay.

❖ SỨ MỆNH

Trường Đức Trí truyền cảm hứng và dẫn dắt học sinh trở thành những người học độc lập, nhân ái và có trách nhiệm.

- Chúng tôi kiến tạo một môi trường giàu tình thương, kỷ luật tích cực và tinh thần sáng tạo.

- Chúng tôi đồng hành để các em phát triển toàn diện trí tuệ, nhân cách và năng lực sống.

❖ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tình thương

Chúng tôi tin rằng yêu thương là nền tảng sâu xa nhất của giáo dục – nơi mọi học sinh được cảm thấy an toàn, được lắng nghe và được nâng đỡ để lớn lên trong sự tin tưởng.

Tôn trọng

Chúng tôi đối xử với mỗi học sinh, giáo viên và phụ huynh như một con người có giá trị riêng, cần được thấu hiểu, ghi nhận và đối thoại một cách chân thành.

Chính trực

Chúng tôi hành động trung thực, giữ lời, và nhất quán giữa điều nói và điều làm – vì đó là nền móng của lòng tin và văn hóa học đường bền vững.

Kỷ luật tích cực

Kỷ luật tại Đức Trí không phải là ràng buộc, mà là khung nâng đỡ cho tự do có trách nhiệm – giúp học sinh rèn luyện nội lực và năng lực tự điều chỉnh.

Phát triển liên tục

Chúng tôi không ngừng học hỏi, đổi mới và hoàn thiện – vì tin rằng mỗi con người, mỗi tập thể đều có thể tiến xa hơn khi được trao cơ hội và niềm tin.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- **Giai đoạn đầu:** Trường được thành lập vào năm 2010 với mục tiêu cung cấp một môi trường giáo dục chất lượng cao, chú trọng phát triển toàn diện cho học sinh.

- **Phát triển cơ sở vật chất:** Trường liên tục đầu tư vào cơ sở vật chất, xây dựng các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện và khu vui chơi hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt của học sinh.

- **Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên:** Trường chú trọng tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giỏi, tâm huyết, có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm.

- **Đổi mới phương pháp giảng dạy:** Trường áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả.

- **Mở rộng chương trình học:** Trường cung cấp đa dạng các chương trình học, từ chương trình chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến các chương trình nâng cao, chương trình song ngữ, ứng dụng công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao năng lực chuyên môn, thúc đẩy sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy, đáp ứng nhu cầu và sở thích khác nhau của học sinh.

- Đạt được nhiều thành tích:

- + Học sinh tăng liên tục qua các năm học.
- + 100% học sinh Tiểu học hoàn thành chương trình cấp Tiểu học.
- + 100% học sinh THCS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS.
- + 100% học sinh tốt nghiệp THPT.
- + Trường Tiểu học, THCS và THPT Đức Trí có điểm trung bình tốt nghiệp THPT ba năm tăng liên tục.
- + Năm 2024 nhà Trường đã có thành tích trong công tác QPAN.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Họ và tên: Lương Thị Bích Trâm
- Chức danh: Giám đốc
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 1/555, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh
- Thư điện tử: tramlb@vietanhschool.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số: 1211/QĐ-UBND ngày 27/4/2010 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Thành lập Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số: 1056/QĐ- SGDĐT ngày 11/8/2022 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí (nhiệm kỳ 2022-2027).

Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ tên	Giới tính	Quốc tịch	Chức vụ Hội đồng trường
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	Việt Nam	Chủ tịch HĐT
2	Nguyễn Thị Soa	Nữ	Việt Nam	Thư ký
3	Lương Thị Bích Trâm	Nữ	Việt Nam	Ủy viên
4	Nguyễn Minh Trí	Nam	Việt Nam	Ủy viên
5	Nguyễn Văn Cường	Nsm	Việt Nam	Ủy viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 1692/QĐ-SGDĐT ngày 24/10/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Dương về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí.

Nhiệm vụ: Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

- Quyết định số 1691/QĐ-SGDĐT ngày 24/10/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Dương về việc công nhận Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí.

Nhiệm vụ: Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

- Quyết định số 1710/QĐ-SGDĐT ngày 28/10/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Dương về việc công nhận Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí.

Nhiệm vụ: Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Quyết định số: 2674/QĐ-SGDĐT ngày 15/10/2013 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc tiếp tục cho phép Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Đức Trí hoạt động giáo dục.

Cơ chế hoạt động của trường

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị

+ 01 Hội đồng trường với 4 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Công đoàn có 28 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh có 450 đoàn viên, thanh niên khối THPT với 14 chi đoàn thuộc Đoàn trường.
- + Ban đại diện CMHS có 61 thành viên
- + Có 11 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Quyết định số: 2487/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi cơ quan quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (mới)

e) Họ và tên, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Văn Cường	Hiệu trưởng	0942802509	cuongnv@ductrischool.edu.vn
2	Nguyễn Phương Dung	Phó Hiệu trưởng	0989050915	dungnp@ductrischool.edu.vn
3	Vũ Thị Mai	Phó Hiệu trưởng	0975055910	maivt@ductrischool.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

CHỨC DANH	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo						
			Chưa qua đ. tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Th.sỹ	T.sỹ
* CBQL									
- Hiệu trưởng	1						1		
- Phó Hiệu trưởng	2	2						2	
Cộng CQBL	3	2	0	0	0	0	1	2	0
* Cấp Tiểu học									
- GV tiểu học	35	35			3		32		
- Nhạc	1	1					1		
- GV Họa	1	1					1		
- GV Tiếng Anh	8	8					8		
- GV Thể dục	3	1					3		
- GV Tin học	1	1					1		
Cộng GVĐL Tiểu học	49	47	0	0	3	0	46	0	0
* Cấp THCS									
- GV Toán	5	2					5		
- GV Lý	1	1					1		
- GV Hóa	1	1					1		
- GV Sinh	1	1					1		
- GV KTCN	0								
- GV KTNN	0								
- GV KTPV	0								
- GV Văn	4	3					4		
- GV Sử	1						1		
- GV Địa	2	2					2		
- GV GDCD	1						1		
- GV Tiếng Anh	6	6					6		
- GV Tin học	0								
- GV Thể dục	1						1		
- GV Nhạc	0						0		
- GV Họa	0						0		

Cộng GV cấp THCS	23	16	0	0	0	0	23		
* Cấp THPT									
- GV Toán	5	2					3	2	
- GV Lý	3	2					3		
- GV Hóa	2	2					2		
- GV Sinh	2	1					1	1	
- GV KTCN	0								
- GV KTNN	0								
- GV Văn	5	5					3	2	
- GV Sử	1	1					1		
- GV Địa	2	2					1	1	
- GV GD CD	1	1					1		
- GV Tiếng Anh	7	7					7		
- GV Tin học	1	0					1		
- GV Thể dục	2						2		
- GV GDQP	0								
Cộng GV cấp THPT	31	23	0	0	0	0	25	6	
TỔNG	106	88	0	0	3	0	95	8	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

	Tổng số	Đạt chuẩn trở lên		Chưa đạt chuẩn		Trên chuẩn		Ghi chú
		Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	
CBQL	3	3	100%			2	66,67%	
Giáo viên	103	97	94,2%			6	6,2%	
Hành chính, phục vụ	22	22	100%					

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
-----	-----------------	------------------	------------------------------------

1	Diện tích đất	7397,52 m ²	7397,52 m ²
2	Diện tích sàn/người học (m2)		
3	Tỉ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách		
5	Số bản sách/người học	1881/1881	

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn (m2)
	Trường Tiểu học, THCS và THPT Đức Trí	Số 1/555, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh	7397,52 m ²	

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Tổng số phòng MVT: 03
- Tổng số MVT phục vụ học tập: 61
- Tổng số MVT phục vụ dạy học, văn phòng: 21
- Tổng số phòng học: 61
- Phòng Hội trường: 01
- Tổng số phòng Giáo viên: 01
- Tổng số phòng Hành chính: 6
- Tổng số phòng Hiệu trưởng: 01
- Tổng số phòng Hiệu phó: 01
- Tổng số phòng họp: 04
- Thư viện: 01
- Phòng đọc: 01
- Phòng học bộ môn: 03
- Tổng số hồ bơi: 01
- Tổng số sân cầu lông: 04

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số lượng đường truyền Internet: 3
- Camera: 220
- Tổng số máy chiếu: 01
- Tổng số máy in lớn: 02; máy in nhỏ: 07
- Tổng số TV phục vụ học tập: 80

- TV trình chiếu: 03
- Số lượng đàn Organ: 03
- Số lượng đàn Piano: 01

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường căn cứ theo Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 07/05/2021 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 và điều chỉnh, bổ sung Danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8 và lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9 và lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1032/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2023 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa Giáo dục quốc phòng và an ninh lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa môn Lịch sử lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

Nhà trường đang tiến hành thực hiện hồ sơ đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục theo hướng dẫn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

* Cấp Tiểu học

Khối	Đầu năm học		Cuối HK1		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
1	5	165	5	165	0					
2	5	171	5	171	0					
3	7	179	7	179	0					
4	5	160	5	160	0					
5	6	184	6	183	0			1		1
Tổng	28	858	28	858	0					

*Cấp THCS

Khối	Đầu năm học		Cuối HK1		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
6	5	143	5	142	1					
7	5	150	5	150	0					

8	5	151	5	150	0			1		1
9	4	130	4	130	0					
Tổng	19	574	19	572						

*Cấp THPT

Khối	Đầu năm học		Cuối HK1		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
10	3	105	3	105	0					
11	5	157	5	157	0					
12	6	188	6	188	0					
Tổng	14	450	14	450	0					

2) Thống kê kết quả đánh giá học sinh sơ kết học kỳ 1 theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

* Cấp Tiểu học

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ MÔN HỌC

Giai đoạn: Cuối Học kỳ I. Năm học: 2025 - 2026

ST T	Khối	Số	Mức độ	Tiếng Việt		Toán		Khoa học		Lịch sử- Địa lí		Ngoại ngữ 1		Đạo đức	
				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	Khối 1	165	Tốt	77	46.67	114	69.09					126	76.36	165	100
			Hoàn thành	87	52.73	49	29.7					37	22.42	0	0
			Chưa hoàn thành	1	0.61	2	1.21					2	1.21	0	0
2	Khối 2	171	Tốt	86	50.29	74	43.27					102	59.65	160	93.57
			Hoàn thành	81	47.37	94	54.97					69	40.35	11	6.43
			Chưa hoàn thành	4	2.34	3	1.75					0	0	0	0
3	Khối 3	179	Tốt	92	51.4	66	36.87					77	43.02	161	89.94
			Hoàn thành	85	47.49	110	61.45					100	55.87	18	10.06
			Chưa hoàn thành	2	1.12	3	1.68					2	1.12	0	0
4	Khối 4	160	Tốt	43	26.88	64	40	58	36.25	101	63.13	61	38.13	159	99.38
			Hoàn thành	115	71.88	94	58.75	97	60.63	51	31.88	96	60	1	0.63
			Chưa hoàn thành	2	1.25	2	1.25	5	3.13	8	5	3	1.88	0	0
5	Khối 5	183	Tốt	25	13.66	40	21.86	96	52.46	80	43.72	121	66.12	163	89.07
			Hoàn thành	154	84.15	134	73.22	85	46.45	97	53.01	60	32.79	20	10.93
			Chưa hoàn thành	4	2.19	9	4.92	2	1.09	6	3.28	2	1.09	0	0
TỔNG		858	Tốt	323	37.65	358	41.72	154	44.90	181	52.77	487	56.76	808	94.17
			Hoàn thành	522	60.84	481	56.06	182	53.06	148	43.15	362	42.19	50	5.83
			Chưa hoàn thành	13	1.52	19	2.21	7	2.04	14	4.08	9	1.05	0	0.00

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ MÔN HỌC (tt)

Giai đoạn: Cuối Học kỳ I. Năm học: 2025 - 2026

STT	Khối	Số	Mức độ	TN-XH		Âm nhạc		Mĩ thuật		Tin học và Công nghệ (Công nghệ)		Tin học và Công nghệ (Tin học)		Giáo dục thể chất		Hoạt động trải nghiệm			
				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)		
1	Khối 1	165	Tốt	161	97.58	165	100	165	100					146	88.48	160	96.97		
			Hoàn thành	4	2.42	0	0	0	0							19	11.52	5	3.03
			Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0							0	0	0	0
2	Khối 2	171	Tốt	156	91.23	171	100	171	100					171	100	164	95.91		
			Hoàn thành	15	8.77	0	0	0	0							0	0	7	4.09
			Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0							0	0	0	0
3	Khối 3	179	Tốt	157	87.71	171	95.53	176	98.32	103	57.54	179	100	176	98.32	164	91.62		
			Hoàn thành	22	12.29	8	4.47	3	1.68	76	42.46	0	0	3	1.68	15	8.38		
			Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Khối 4	160	Tốt			138	86.25	155	96.88	160	100	83	51.88	160	100	158	98.75		
			Hoàn thành			22	13.75	5	3.13	0	0	74	46.25	0	0	2	1.25		
			Chưa hoàn thành			0	0	0	0	0	0	3	1.88	0	0	0	0		
5	Khối 5	183	Tốt			153	83.61	178	97.27	50	27.32	183	100	183	100	170	92.9		
			Hoàn thành			30	16.39	5	2.73	122	66.67	0	0	0	0	13	7.1		
			Chưa hoàn thành			0	0	0	0	11	6.01	0	0	0	0	0	0		
TỔNG		858	T	474	92.94	798	93.01	845	98.48	313	59.96	445	85.25	836	97.44	816	95.10		
			H	41	8.04	60	6.99	13	1.52	198	37.93	74	14.18	22	2.56	42	4.90		
			C	0	0.00	0	0.00	0	0.00	11	2.11	3	0.57	0	0.00	0	0.00		

*** Cấp THCS**

BẢNG THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN																						
Học kỳ 1, Năm học 2025 - 2026																						
STT	Lớp	Số	Kết quả học tập										Kết quả rèn luyện									
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Đạt trở lên		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Đạt trở lên	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		567	183	32.3%	216	38.1%	151	26.6%	17	3.0%	550	97.0%	542	95.6%	21	3.7%	4	0.7%	0	0.0%	567	100.0%
Khối 6		142	50	35.2%	57	40.1%	32	22.5%	3	2.1%	139	97.9%	141	99.3%	1	0.7%	0	0.0%	0	0.0%	142	100.0%
1	6A1	24	6	25.0%	10	41.7%	8	33.3%	0	0.0%	24	100.0%	24	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	24	100.0%
2	6A2	30	9	30.0%	13	43.3%	7	23.3%	1	3.3%	29	96.7%	30	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	30	100.0%
3	6A3	32	14	43.8%	14	43.8%	3	9.4%	1	3.1%	31	96.9%	32	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	32	100.0%
4	6A4	30	9	30.0%	8	26.7%	13	43.3%	0	0.0%	30	100.0%	30	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	30	100.0%
5	6A5	26	12	46.2%	12	46.2%	1	3.8%	1	3.8%	25	96.2%	25	96.2%	1	3.8%	0	0.0%	0	0.0%	26	100.0%
Khối 7		149	50	33.6%	62	41.6%	35	23.5%	2	1.3%	147	98.7%	146	98.0%	2	1.3%	1	0.7%	0	0.0%	149	100.0%
6	7B1	34	12	35.3%	15	44.1%	7	20.6%	0	0.0%	34	100.0%	34	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	34	100.0%
7	7B2	33	11	33.3%	17	51.5%	5	15.2%	0	0.0%	33	100.0%	31	93.9%	2	6.1%	0	0.0%	0	0.0%	33	100.0%
8	7B3	29	11	37.9%	14	48.3%	4	13.8%	0	0.0%	29	100.0%	29	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	29	100.0%
9	7B4	23	9	39.1%	7	30.4%	6	26.1%	1	4.3%	22	95.7%	22	95.7%	0	0.0%	1	4.3%	0	0.0%	23	100.0%
10	7B5	30	7	23.3%	9	30.0%	13	43.3%	1	3.3%	29	96.7%	30	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	30	100.0%
Khối 8		148	42	28.4%	49	33.1%	49	33.1%	8	5.4%	140	94.6%	136	91.9%	12	8.1%	0	0.0%	0	0.0%	148	100.0%
11	8C1	27	9	33.3%	7	25.9%	9	33.3%	2	7.4%	25	92.6%	24	88.9%	3	11.1%	0	0.0%	0	0.0%	27	100.0%
12	8C2	32	5	15.6%	16	50.0%	10	31.3%	1	3.1%	31	96.9%	26	81.3%	6	18.8%	0	0.0%	0	0.0%	32	100.0%
13	8C3	29	10	34.5%	11	37.9%	8	27.6%	0	0.0%	29	100.0%	29	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	29	100.0%
14	8C4	31	7	22.6%	8	25.8%	13	41.9%	3	9.7%	28	90.3%	30	96.8%	1	3.2%	0	0.0%	0	0.0%	31	100.0%
15	8C5	29	11	37.9%	7	24.1%	9	31.0%	2	6.9%	27	93.1%	27	93.1%	2	6.9%	0	0.0%	0	0.0%	29	100.0%
Khối 9		128	41	32.0%	48	37.5%	35	27.3%	4	3.1%	124	96.9%	119	93.0%	6	4.7%	3	2.3%	0	0.0%	128	100.0%
16	9D1	32	9	28.1%	11	34.4%	10	31.3%	2	6.3%	30	93.8%	30	93.8%	2	6.3%	0	0.0%	0	0.0%	32	100.0%
17	9D2	32	10	31.3%	14	43.8%	8	25.0%	0	0.0%	32	100.0%	31	96.9%	0	0.0%	1	3.1%	0	0.0%	32	100.0%
18	9D3	33	10	30.3%	12	36.4%	9	27.3%	2	6.1%	31	93.9%	31	93.9%	0	0.0%	2	6.1%	0	0.0%	33	100.0%
19	9D4	31	12	38.7%	11	35.5%	8	25.8%	0	0.0%	31	100.0%	27	87.1%	4	12.9%	0	0.0%	0	0.0%	31	100.0%

*** Cấp THPT**

BẢNG THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN																						
Học kỳ 1, Năm học 2025 - 2026																						
STT	Lớp	Số	Kết quả học tập										Kết quả rèn luyện									
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Đạt trở lên		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Đạt trở lên	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		450	89	19.8%	268	59.6%	90	20.0%	3	0.7%	447	99.3%	443	98.4%	7	1.6%	0	0.0%	0	0.0%	450	100.0%
Khối 10		105	23	21.9%	43	41.0%	36	34.3%	3	2.9%	102	97.1%	104	99.0%	1	1.0%	0	0.0%	0	0.0%	105	100.0%
1	10A1	35	10	28.6%	16	45.7%	9	25.7%	0	0.0%	35	100.0%	35	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	35	100.0%
2	10A2	35	5	14.3%	18	51.4%	11	31.4%	1	2.9%	34	97.1%	34	97.1%	1	2.9%	0	0.0%	0	0.0%	35	100.0%
3	10A3	35	8	22.9%	9	25.7%	16	45.7%	2	5.7%	33	94.3%	35	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	35	100.0%
Khối 11		157	33	21.0%	93	59.2%	31	19.7%	0	0.0%	157	100.0%	152	96.8%	5	3.2%	0	0.0%	0	0.0%	157	100.0%
4	11B1	35	15	42.9%	20	57.1%	0	0.0%	0	0.0%	35	100.0%	31	88.6%	4	11.4%	0	0.0%	0	0.0%	35	100.0%
5	11B2	32	5	15.6%	18	56.3%	9	28.1%	0	0.0%	32	100.0%	32	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	32	100.0%
6	11B3	32	3	9.4%	21	65.6%	8	25.0%	0	0.0%	32	100.0%	31	96.9%	1	3.1%	0	0.0%	0	0.0%	32	100.0%
7	11B4	25	7	28.0%	13	52.0%	5	20.0%	0	0.0%	25	100.0%	25	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	25	100.0%
8	11B5	33	3	9.1%	21	63.6%	9	27.3%	0	0.0%	33	100.0%	33	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	33	100.0%
Khối 12		188	33	17.6%	132	70.2%	23	12.2%	0	0.0%	188	100.0%	187	99.5%	1	0.5%	0	0.0%	0	0.0%	188	100.0%
9	12C1	28	7	25.0%	20	71.4%	1	3.6%	0	0.0%	28	100.0%	28	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	28	100.0%
10	12C2	26	8	30.8%	16	61.5%	2	7.7%	0	0.0%	26	100.0%	26	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	26	100.0%
11	12C3	31	7	22.6%	21	67.7%	3	9.7%	0	0.0%	31	100.0%	31	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	31	100.0%
12	12C4	35	6	17.1%	24	68.6%	5	14.3%	0	0.0%	35	100.0%	35	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	35	100.0%
13	12C5	34	4	11.8%	23	67.6%	7	20.6%	0	0.0%	34	100.0%	33	97.1%	1	2.9%	0	0.0%	0	0.0%	34	100.0%
14	12C6	34	1	2.9%	28	82.4%	5	14.7%	0	0.0%	34	100.0%	34	100.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	34	100.0%

3. Công tác Chuyên môn và Chuyển đổi số

a. Hội thi Giáo viên dạy giỏi: Tổ chức thành công hội thi cấp trường "Uơm mầm tri thức" (tháng 9-10/2025) với 16 giáo viên đạt giải, tạo phong trào thi đua dạy tốt sôi nổi.

b. Giáo dục STEM: Đã thực hiện 53 tiết dạy tích hợp STEM và 06 chuyên đề Hoạt động trải nghiệm STEM tại cấp Tiểu học.

c. Các cuộc thi học thuật:

- Tổ chức thi IOE các cấp và "Trạng Nguyên Tiếng Việt" (142 HS tham gia sơ khảo, 53 giải cấp trường).
- Hội thi "Rung chuông vàng" cho học sinh Tiểu học (tháng 12/2025).

d. Chuyển đổi số: Triển khai đồng bộ ứng dụng **Teams** trong truyền thông nội bộ; tập huấn cho 100% giáo viên về Sổ đầu bài số, Sổ đăng bộ số và đánh giá năng lực số; Khảo sát năng lực số cho toàn bộ CB-GV-NV.

4. Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp và Giáo dục Địa phương

Nhà trường đã tổ chức thành công chuỗi hoạt động trải nghiệm thực tế gắn liền với môn học Giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm:

a. Học tập lịch sử - văn hóa:

- Khối 12: Tham quan Địa đạo Củ Chi (tháng 7/2025).
- Khối 10, 11: Tham quan Địa đạo Tam Giác Sắt (tháng 8/2025).
- Tiểu học (Khối 4, 5): Tham quan Nhà tù Phú Lợi (tháng 10/2025).
- Tiểu học (Khối 1, 2, 3): Tham quan Bảo tàng Bình Dương (tháng 11/2025).

b. Công tác Hướng nghiệp:

- Tư vấn chọn môn và phân luồng cho học sinh Lớp 9 (tháng 12/2025) với chủ đề "Mặt mã Holland".
- Tổ chức Ngày hội tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT với sự tham gia của nhiều trường Đại học (tháng 12/2025).
- Tham quan trải nghiệm thực tế tại Trường Sĩ quan Công binh (tháng 11/2025) và Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - EIU (kế hoạch tháng 1/2026).
- Tổ chức chuyên đề về AI và giao lưu với Đại học Hoa Phạm.

5. Sự kiện, Văn hóa - Thể thao và Kỷ niệm

a. Sự kiện trọng đại: Tổ chức thành công Lễ Khai giảng kết hợp Lễ kỷ niệm 15 năm thành lập trường và chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 với quy mô trang trọng, nhiều hoạt động tri ân ý nghĩa.

b. Lễ hội văn hóa:

- "Vui Hội Trăng Rằm" (Trung thu) với cuộc thi làm lồng đèn, trang trí nón lá.
- Chương trình Giáng sinh 2025 (12/2025) với hoạt động tặng quà và văn nghệ.
- Ngày hội Ẩm thực 3 miền (tháng 12/2025).
- Ngoại khóa HK1.

c. Hoạt động thể thao:

- Tổ chức Hội thao học sinh (Cầu lông, bơi lội, kéo co, cờ vua...)
- Tham gia Đồng diễn võ nhạc Vovinam chào mừng 50 năm nền giáo dục Thành phố (01/12/2025).

6. Công tác An toàn trường học và Thiện nguyện

a. Y tế và An toàn:

- Hoàn thành khám sức khỏe định kỳ cho 100% học sinh, giáo viên và nhân viên cấp dưỡng.
- Tổ chức tập huấn và diễn tập PCCC, cứu nạn cứu hộ.
- Triển khai chiến dịch an toàn trực tuyến "Không một mình" và tập huấn phòng ngừa tự sát trong trường học.

b. Hoạt động Thiện nguyện:

- Dự án "Tủ sách Ước mơ": Quyên góp sách và trao tặng cho Nhà tình thương Giáo xứ Búng.
- Thăm và tặng quà Giáng sinh tại Làng phong Bến Sắn.
- Chuyên đi thiện nguyện tại Tây Nguyên (Kon Tum - Quảng Ngãi).
- Hoạt động làm sản phẩm thủ công gây quỹ nhân ngày 20/10.
- Trao quà Giáng sinh cho người lao động nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn (23/12)

VI. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau: Trường Tiểu học, THCS và THPT Đức Trí là trường tự thực hoạt, doanh thu chính từ nguồn thu học phí.

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

- Tổng thu học phí năm 2024: 69.207.114.000 đồng.

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

**CÔNG KHAI THU-CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU
NĂM 2025 (ĐẾN NGÀY 31/12/2025)**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ-cuối năm trước chuyển sang tại KBNN		
II	Tổng thu (BHXH chuyển về)		
III	Tổng số chi		
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	8.845.000	Đầu năm
2	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs		Đầu HK2
3	Chi tiền photo giấy khám sức khỏe cho hs đầu năm học 2025-2026	3.656.000	
IV	Tồn cuối kỳ-thời điểm.../.../202... KBNN		

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

*** Biểu phí năm học 2024 – 2025**

STT	LỚP	HỌC PHÍ	PHÍ BÁN TRÚ	TIỀN ĂN	TỔNG CỘNG 1 THÁNG
1	LỚP 1	2,200,000	600,000	950,000	3,750,000
2	LỚP 2	2,200,000	600,000	950,000	3,750,000
3	LỚP 3	2,200,000	600,000	1,000,000	3,800,000
4	LỚP 4	2,360,000	600,000	1,000,000	3,960,000
5	LỚP 5	2,520,000	600,000	1,000,000	4,120,000
6	LỚP 6	2,730,000	600,000	1,050,000	4,380,000
7	LỚP 7	2,830,000	600,000	1,050,000	4,480,000
8	LỚP 8	2,990,000	600,000	1,050,000	4,640,000
9	LỚP 9	3,150,000	600,000	1,100,000	4,850,000
10	LỚP 10	3,520,000	600,000	1,100,000	5,220,000
11	LỚP 11	3,830,000	600,000	1,100,000	5,530,000
12	LỚP 12	4,410,000	600,000	1,100,000	6,110,000

*** Biểu phí năm học 2025 – 2026**

STT	LỚP	HỌC PHÍ	PHÍ BÁN TRÚ	TIỀN ĂN	TỔNG CỘNG 1 THÁNG
1	LỚP 1	2,350,000	600,000	950,000	3,900,000
2	LỚP 2	2,350,000	600,000	950,000	3,900,000
3	LỚP 3	2,350,000	600,000	1,000,000	3,950,000
4	LỚP 4	2,520,000	600,000	1,000,000	4,120,000
5	LỚP 5	2,700,000	600,000	1,000,000	4,300,000
6	LỚP 6	2,870,000	600,000	1,050,000	4,520,000
7	LỚP 7	2,970,000	600,000	1,050,000	4,620,000
8	LỚP 8	3,140,000	600,000	1,050,000	4,790,000
9	LỚP 9	3,300,000	600,000	1,100,000	5,000,000
10	LỚP 10	3,700,000	600,000	1,100,000	5,400,000
11	LỚP 11	4,020,000	600,000	1,100,000	5,720,000
12	LỚP 12	4,630,000	600,000	1,100,000	6,330,000

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Con giáo viên theo học tại trường sẽ được miễn giảm từ 40% đến 100% tùy theo cấp học và đạt được thành tích trong các kỳ thi cấp thành phố và cấp tỉnh.

Đối với con em thuộc gia đình khó khăn thì nhà trường cũng có chính sách miễn giảm theo từng trường hợp cụ thể.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo tình hình thực tế tại đơn vị.
- Phân công nhân sự và đội ngũ giáo viên "Đúng người, đúng việc":
- + Bố trí giáo viên có kinh nghiệm dẫn dắt các khối lớp cuối cấp hoặc các chuyên đề khó.

+ Sử dụng giáo viên trẻ, năng động cho các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và ứng dụng công nghệ mới.

- Xây dựng mô hình "Giáo viên nòng cốt": Thiết lập các tổ chuyên môn mạnh để hỗ trợ đồng nghiệp, giảm tải áp lực quản lý cho Ban giám hiệu.

- Tối ưu hóa định mức tiết dạy: Sắp xếp thời khóa biểu khoa học để giáo viên có thời gian tái tạo năng lượng và chuẩn bị bài giảng, tránh tình trạng quá tải cục bộ.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Thực hiện đúng, đủ nội dung và thời lượng chương trình của các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, chuyên đề học tập.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Triển khai, tuân thủ nghiêm quy chế kiểm tra đánh giá của nhà trường ban hành. Bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của học sinh.

Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá học sinh ngay từ đầu năm học. Nội dung, hình thức, ma trận kiểm tra được tổ hợp thống nhất và phải được thông báo đến học sinh (Đối với kiểm tra đánh giá thường xuyên: giáo viên bộ môn thông báo; Đối với kiểm tra đánh giá định kỳ: thông báo trên trang thông tin điện tử trường). Giáo viên cần xây dựng, công khai trước với học sinh biểu điểm chấm, tiêu chí đánh giá của các hình thức kiểm tra đánh giá quá trình học tập của học sinh.

Tiếp tục đổi mới cách ra đề kiểm tra đánh giá chuyển đổi từ kiểm tra kiến thức là chủ yếu sang kiểm tra các năng lực, đảm bảo yêu cầu cần đạt, các mức độ 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng nâng cao.

Giáo viên lưu giữ quá trình kiểm tra đánh giá bằng sổ theo dõi kiểm tra, đánh giá cá nhân. Về sổ theo dõi đánh giá điện tử: giáo viên bộ môn theo phân công giảng dạy trực tiếp nhập điểm/đánh giá trên phần mềm hệ thống quản lý điểm theo thời hạn, số lượng cột điểm theo quy định và ký xác nhận.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

Hoạt động hướng nghiệp được triển khai xuyên suốt từ cấp THCS đến THPT, thông qua nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động các câu lạc bộ, cũng như các buổi hướng nghiệp tập trung do nhà trường phối hợp cùng chuyên gia, doanh nghiệp, các trường đại học tổ chức. Học sinh được tham quan, tìm hiểu chuyên sâu từng ngành nghề tại trường đại học, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, giúp các em có cái nhìn thực tế về thị trường lao động.

Ở cấp THCS, nhà trường chú trọng hình thành nhận thức ban đầu về nghề nghiệp, giúp học sinh trải nghiệm những nghề phổ thông gần gũi trong đời sống, từ đó định hình sở thích và năng lực bản thân. Đặc biệt, với học sinh lớp 9, công tác hướng nghiệp được quan tâm hơn, giúp các em có định hướng rõ ràng trong lựa chọn tiếp tục học THPT, học nghề hoặc các chương trình đào tạo khác phù hợp với năng lực, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội.

Ở cấp THPT, phát huy vai trò giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn trong việc định hướng nghề nghiệp: theo sát hoàn cảnh gia đình, năng lực học tập, sở trường của từng học sinh để có kế hoạch tư vấn, định hướng phân luồng phù hợp. Công tác tư vấn hướng nghiệp được thực hiện thường xuyên, liên tục từ lớp 10 đến hết năm học lớp 12, kết hợp

chặt chẽ với phụ huynh học sinh.

Thông qua các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng, nhà trường giúp học sinh có định hướng rõ ràng sau khi rời ghế phổ thông: tiếp tục học tập tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp; hoặc lựa chọn con đường học nghề, lao động phù hợp với năng lực, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

Chủ động bồi dưỡng, tạo môi trường để giáo viên, học sinh tham gia các hội thi do ngành giáo dục tổ chức

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Chủ động quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tăng cường nền nếp, kỉ luật, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường; tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong mọi hoạt động giáo dục; đổi mới phương pháp, hình thức và kĩ thuật dạy học tích cực; đổi mới phương thức đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thực hiện có hiệu quả việc dạy học trực tiếp kết hợp giao nhiệm vụ, hướng dẫn học trên internet; tăng cường hiệu quả hoạt động giáo dục STEM, nghiên cứu bài học, dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn; tiếp tục thực hiện có chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, khởi nghiệp và công tác bồi dưỡng học sinh giỏi để thi chọn đội tuyển thành phố; thực hiện tốt các chương trình nhà trường như Tin học theo chuẩn quốc tế, ngoại ngữ thứ 2, giáo dục STEM, dạy IELTS... để góp phần xây dựng hình ảnh công dân toàn cầu cho học sinh.

Thực hiện công tác hướng nghiệp theo hướng chuyên sâu từng ngành nghề cụ thể; tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh của một đơn vị cụ thể; phát huy thế mạnh của các câu lạc bộ, chú trọng giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, năng lực số, năng lực AI, phát triển năng khiếu cá nhân, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, đáp ứng nhu cầu, sở thích nguyện vọng của học sinh và góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục toàn diện.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, công tác quản trị, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, của tổ chuyên môn và của các đoàn thể gắn với công tác cải cách hành chính, công khai mọi hoạt động giáo dục, phát huy dân chủ thực chất trong nhà trường, xây dựng tốt văn hóa học đường và trường học hạnh phúc để đạt được 80% các tiêu chí của trường học tiên tiến; tiếp tục thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động chuyên môn.

Về phương châm giáo dục: triển khai thực hiện chương trình giáo dục theo phương châm kế thừa các nguyên lý giáo dục nền tảng như “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn liền với thực tiễn”, “Giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

Về nội dung giáo dục: thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hóa hoạt động của người học, giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực một cách hiệu quả hơn; nói cách khác, giáo dục không phải để truyền thụ kiến thức mà nhằm giúp học sinh hoàn thành các công việc, giải quyết các vấn

đề trong học tập và đời sống nhờ vận dụng hiệu quả và sáng tạo những kiến thức đã học. Dạy học để phát huy tính tích cực, tự học của người học; dạy học để người học được hạnh phúc.

Triển khai các giải pháp góp phần thực hiện tốt mục tiêu của Giáo dục phổ thông: Trường học khang trang, sạch đẹp - Thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức, mẫu mực - Học sinh học để tự khẳng định mình, học tập và rèn luyện để làm người công dân tốt, học để có năng lực thích ứng với thành phố văn minh và hội nhập quốc tế.

c. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định (Nếu có)

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Về đội ngũ, Đức Trí tập trung nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên thông qua các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước, cũng như xây dựng văn hóa nghiên cứu bài học. Nhà trường chú trọng công tác phát triển năng lực sư phạm của đội ngũ giáo viên trẻ, phát huy ưu thế sáng tạo và công nghệ của họ, đồng thời bổ sung kinh nghiệm quản lý lớp học và kỹ năng giáo dục cá nhân hóa cho học sinh.

Trong quản trị nhà trường, Đức Trí tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, đẩy mạnh cải cách hành chính, công khai và minh bạch các hoạt động giáo dục. Trường xây dựng văn hóa học đường lành mạnh, chú trọng xây dựng “trường học hạnh phúc”, trong đó thầy cô là tấm gương đạo đức, học sinh học tập trong môi trường an toàn, thân thiện và tích cực.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Là yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới, tập trung vào đầu tư đồng bộ, ứng dụng công nghệ, đào tạo nâng cao năng lực sử dụng TBDH cho giáo viên, đồng thời xây dựng kế hoạch dài hạn và tăng cường quản lý, bảo trì để đảm bảo hiệu quả sử dụng.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Công tác quản lý và thực hiện chuyên môn được triển khai theo hướng tinh gọn, đơn giản hóa hồ sơ sổ sách nhằm giảm áp lực hành chính, giúp giáo viên có nhiều thời gian đầu tư cho chuyên môn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

Trong quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, nhà trường phát huy tối đa phân mềm quản lý hiện có để thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiện trạng thiết bị; ưu tiên mua sắm bổ sung đúng nhu cầu, đồng thời nâng cao trách nhiệm sử dụng thiết bị của giáo viên nhằm đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực tài chính – điều đặc biệt quan trọng đối với cơ sở ngoài công lập.

Về thực hiện quy chế chuyên môn, nhà trường kiên quyết không để xảy ra tình trạng vi phạm như: dùng điểm số để gây áp lực hoặc trù dập học sinh, ép buộc học thêm, điều chỉnh điểm trái quy định, cắt xén chương trình hay để lộ đề kiểm tra. Đây vừa là yêu cầu kỷ cương, vừa là cam kết chất lượng giáo dục của trường với phụ huynh và xã hội.

Trong công tác quản lý, chỉ đạo và kiểm tra nội bộ, Hiệu trưởng giữ vai trò trung tâm trong định hướng phát triển, đồng thời khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên. Các hoạt động kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên, khoa học, nhằm đảm bảo chương trình giáo dục được thực hiện đúng quy định, phù hợp đặc thù trường tư thục và đạt hiệu quả cao.

Trong xây dựng môi trường dân chủ và kết nối với phụ huynh – học sinh, thực hiện nghiêm túc quy chế tiếp công dân, kịp thời tiếp nhận và phản hồi các ý kiến đóng góp; đồng thời duy trì đối thoại định kỳ với ban cán sự lớp để nắm bắt tình hình học tập, điều chỉnh kịp thời, ngăn ngừa sai phạm, qua đó xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và giàu tính nhân văn.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Nhà trường tạo điều kiện cho thầy cô phụ trách truyền thông tham gia lớp tập huấn đã giúp thầy/cô hiểu rõ hơn về cách viết tin, cách đặt tit sao cho hấp dẫn, thu hút, cách chụp hình thế nào để có một bức ảnh đẹp phục vụ cho bài viết.

Nhà trường đã có nhiều cố gắng và tích cực trong việc đăng tải thông tin, bài viết về hoạt động giáo dục của trường để đảm bảo tính công khai, minh bạch; giúp cha mẹ học sinh và xã hội hiểu rõ hơn về nỗ lực và thành tựu của thầy và trò.

Trên đây là Báo cáo thường niên (thời điểm cuối HK1) của Trường Tiểu học, THCS và THPT Đức Trí năm 2026.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (đề b/c);
- Công khai bảng tin, website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường